



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 3

Starter · Numbers 1–10 · The alphabet (SGK tr. 7–9)



Tuần 1

Họ và tên: _____

Lớp: _____

1 2
3 4

A

10

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu vào số đếm

o e

t o

th ee

f ur

fi e

s x

s ven

ei ht

Bài 2: Read and match: nối số với chữ

1. 3

2. 7

3. 10

4. 1

5. 9

a. one

b. nine

c. three

d. ten

e. seven

Bài 3: The alphabet: điền chữ cái còn thiếu

1. A B D E

2. F G H J

3. K M N O

4. P Q R T

Bài 4: Put the letters in order: xếp theo thứ tự bảng chữ cái

1. C A D B

2. H F G E

3. Q N P O

Bài 5: Count the letters: tên có mấy chữ cái? Khoanh số đúng

1. AN

(A) one (B) two (C) three

2. NAM

(A) three (B) four (C) two

3. LINH

(A) three (B) five (C) four

4. TRANG

(A) six (B) five (C) four

Bài 6: Let's write: viết số bằng chữ tiếng Anh

Write the numbers: 2, 4, 5, 6, 8, 10.

Ví dụ: 1 → one



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 3

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 1

Bài 1: Vocabulary: điền chữ cái còn thiếu vào số đếm

one two three four five six seven eight

Bài 2: Read and match: nối số với chữ

1 - c 2 - e 3 - d 4 - a 5 - b

Bài 3: The alphabet: điền chữ cái còn thiếu

1. A B **C** D E

2. F G H I **J**

3. K **L** M N O

4. P Q R **S** T

Bài 4: Put the letters in order: xếp theo thứ tự bảng chữ cái

1. **A** B C D

2. **E** F G H

3. **N** O P Q

Bài 5: Count the letters: tên có mấy chữ cái? Khoanh số đúng

1. **B** (two) 2. **A** (three) 3. **C** (four) 4. **B** (five)

Bài 6: Let's write: viết số bằng chữ tiếng Anh

two, four, five, six, eight, ten